

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 31

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty tại ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Nam	Ủy viên
Ông Yoshiro Komiyama	Ủy viên
Ông Phạm Quang Chất	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Tấn Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Masayuki Takeuchi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Quảng	Phó Tổng Giám đốc

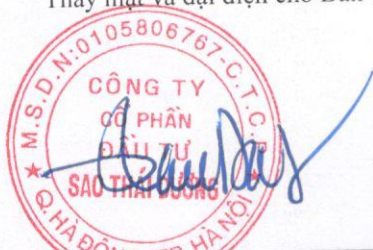
### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



**Nguyễn Tấn Đạt**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 15 tháng 07 năm 2016

Số: 0408 /2016/BCTC-KTV/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/07/2016, từ trang 03 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 1 tháng 08 năm 2016

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
Đất Việt tại Hà Nội



HOANG DINH HAI - Phó Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2015-037-1



NGUYỄN NGỌC TÚ - Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2305-2014-037-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>453.691.948.150</b>	<b>454.806.604.706</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>18.745.232.260</b>	<b>30.392.961.493</b>
1. Tiền	111	V.1	18.745.232.260	30.392.961.493
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>380.705.840.220</b>	<b>414.077.351.479</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	113.918.479.407	12.337.359.310
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	172.581.058.033	139.564.151.073
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	75.000.000.000	84.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	19.336.849.580	177.375.841.096
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(130.546.800)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>44.995.860.608</b>	<b>8.163.034.687</b>
1. Hàng tồn kho	141		44.995.860.608	8.163.034.687
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.245.015.062</b>	<b>2.173.257.047</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	43.485.465	81.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.201.529.597	2.014.052.730
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.14	-	78.204.317
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>544.881.411.275</b>	<b>37.093.999</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>V.5b</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.567.229.559</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	20.567.229.559	-
- Nguyên giá	222		24.119.465.455	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.552.235.896)	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.9</b>	<b>346.841.585.105</b>	<b>35.414.832</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		346.841.585.105	35.414.832
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>147.000.000.000</b>	<b>-</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>472.596.611</b>	<b>1.679.167</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	472.596.611	1.679.167
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>998.573.359.425</b>	<b>454.843.698.705</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>217.599.050.750</b>	<b>150.872.961.764</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>155.271.814.121</b>	<b>124.939.011.580</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	86.784.672.102	85.596.754.439
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.619.670.808	39.204.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.513.463.555	74.925.643
4. Phải trả người lao động	314		53.571.923	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	13.166.667	63.331.498
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	63.287.269.066	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>62.327.236.629</b>	<b>25.933.950.184</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	62.269.076.266	25.933.950.184
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		58.160.363	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>780.974.308.675</b>	<b>303.970.736.941</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>780.974.308.675</b>	<b>303.970.736.941</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	660.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000	250.000.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	28.748.747.959	281.260.525
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		281.260.525	35.226.909
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.467.487.434	246.033.616
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		92.225.560.716	53.689.476.416
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>998.573.359.425</b>	<b>454.843.698.705</b>



Nguyễn Tân Đạt

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 07 năm 2016

Nguyễn Huy Quảng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương

Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	309.469.509.858	12.770.962.200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	309.469.509.858	12.770.962.200
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	288.314.684.111	12.641.669.330
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.154.825.747	129.292.870
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.419.096.470	340.526.059
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.044.325.226	5.464.579
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.025.117.840	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết			-	-
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	324.474.779	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.112.323.523	193.514.022
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.092.798.689	270.840.328
12. Thu nhập khác	31	VI.7	4.632.896.345	29.361.354
13. Chi phí khác	32	VI.7	150.048	-
14. Lợi nhuận khác	40	VI.7	4.632.746.297	29.361.354
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.725.544.986	300.201.682
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.408.017.682	54.168.066
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		58.160.363	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.259.366.941	246.033.616
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		28.462.669.421	246.033.616
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		796.697.520	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.098	331
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			



Nguyễn Tấn Đạt  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 15 tháng 07 năm 2016

Nguyễn Huy Quảng  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương  
 Người lập biểu


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015


**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>30.725.544.986</b>	<b>300.201.682</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		(3.574.105.215)	(29.361.354)
- Các khoản dự phòng	03		130.546.800	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.417.266.457)	(340.526.059)
- Chi phí lãi vay	06		1.025.117.840	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>19.889.837.954</b>	<b>(69.685.731)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51.215.358.916)	(20.074.521.036)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.105.548.588)	(8.008.847.313)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(90.098.702.413)	10.172.597.719
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(310.711.011)	(1.679.167)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.047.366.005)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.897.453)	(50.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(127.890.746.432)</b>	<b>(17.982.185.528)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(217.486.030.051)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.000.000.000)	(84.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		133.800.000.000	4.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(359.433.243.122)	(116.684.821.340)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		93.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.395.224	314.684.963
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(390.106.877.949)</b>	<b>(196.670.136.377)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		412.327.500.000	244.000.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		94.022.395.148	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>506.349.895.148</b>	<b>244.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(11.647.729.233)</b>	<b>29.347.678.095</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>30.392.961.493</b>	<b>1.045.283.398</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>18.745.232.260</b>	<b>30.392.961.493</b>

  
**Nguyễn Tấn Đạt**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 07 năm 2016

  
**Nguyễn Huy Quảng**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Thị Thương**  
 Người lập biểu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0105806767 ngày 01 tháng 03 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 số 0105806767 ngày 23 tháng 06 năm 2016.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Hoạt động chính của Công ty là:**

Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Bán buôn thực phẩm; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn gạo; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng lúa; Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào; Trồng cây lấy sợi; Trồng cây có hạt chứa dầu; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây ăn quả; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Xử lý hạt giống để nhân giống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Và các ngành nghề kinh doanh khác.

**2. Công ty con được hợp nhất*****Công ty Cổ phần BWG Mai Châu***

\* Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 75,60%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 75,60%

***Công ty TNHH BWG Điện Biên (Đổi tên từ Công ty TNHH Hoàng Lâm Điện Biên)***

\* Địa chỉ: Bản Phú Ngam, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 75,5%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 75,5%

***Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình***

\* Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 95%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 95%

***Công ty CP Phát triển Công nghệ SKY LIFE FARMS (Đổi tên từ Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Phát triển Công nghệ Đông Dương)***

\* Địa chỉ: Nhà số 9, ngách 41, ngõ Chùa Nền, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 97,55%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 97,55%

**3. Công ty liên kết được hợp nhất*****Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA***

\* Địa chỉ: Số 1, tổ 8, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 49%

\* Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương tại ngày 31/12/2015: 49%

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

### **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### **2. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### **3. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT\_BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy tính.

#### **3. Áp dụng chính sách kế toán mới**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty áp dụng lập theo các Thông tư nêu trên. Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT\_BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi khi áp dụng các thông tư nêu trên và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số VIII.6 của Báo cáo tài chính năm 2015.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc Năm tài chính. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc Năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Máy móc và thiết bị  
Phương tiện vận tải truyền dẫn

Số năm  
06- 12  
10

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

### **5. Tài sản cố định vô hình**

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên giá***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

#### ***Khấu hao***

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các quyền sử dụng đất lâu dài, Công ty không tiến hành trích khấu hao với các tài sản này.

### **6. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Hợp nhất kinh doanh***

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### ***Đầu tư vào các công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ***Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác***

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

#### ***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính***

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc Năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

***Bất lợi thương mại***

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**9. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**10. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

***Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

**12. Thuế*****Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền mặt	18.178.386.335	4.756.572.908
Tiền gửi ngân hàng	566.845.925	25.636.388.585
<b>Cộng</b>	<b>18.745.232.260</b>	<b>30.392.961.493</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>113.918.479.407</b>	<b>12.337.359.310</b>
- Công ty CP Thương Mại và Dịch vụ An Thành	18.300.662.250	-
- Công ty TNHH Nội Thất Huy Hòa	7.515.867.880	12.047.975.000
- Công ty Cổ phần Nông Lâm Sản Phương Bắc	23.111.308.800	-
- Công ty TNHH Toàn Phát HB	24.505.762.500	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA	18.117.410.000	-
- Công ty TNHH Quảng Cáo TM Tường Minh	8.658.798.950	-
- Công ty CP Xây Dựng và Công Nghệ Vĩnh Tường	3.527.575.000	-
- Các khách hàng khác	10.181.094.027	289.384.310
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>113.918.479.407</b>	<b>12.337.359.310</b>

**Trong đó:**

<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>18.117.410.000</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA	18.117.410.000	-

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Công ty CP Thiết Bị Tự Động Hóa VITECH	23.053.301.000	63.994.226.000
- Công ty TNHH Minh Anh QN	66.135.200.000	-
- Công ty TNHH MTV Tre Mai Châu	17.578.824.456	8.443.425.073
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA	30.163.487.561	19.487.500.000
- Công ty TNHH MTV Tổng Hợp Thiện Tâm	8.410.000.000	-
- Phạm Lương Bảo Ngọc	-	20.000.000.000
- Đỗ Tuấn Dương	-	16.000.000.000
- Lê Thị Hồng Minh	-	11.400.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	27.240.245.016	239.000.000
<b>Cộng</b>	<b>172.581.058.033</b>	<b>139.564.151.073</b>

**Trong đó:**

<b>Trả trước người bán là các bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA	30.163.487.561	19.487.500.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

- Cho vay cá nhân	75.000.000.000	78.000.000.000
- Công ty TNHH Nội thất Huy Hòa	-	6.200.000.000
- Công ty TNHH BWG Điện Biên	-	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>84.800.000.000</b>

(\*): Các khoản cho theo các Hợp đồng với thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 6%/năm đến 7%/năm.

**5. Phải thu khác**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>19.336.849.580</b>	-	<b>177.375.841.096</b>	-
- Tạm ứng	10.850.000.000	-	6.350.000.000	-
- Phải thu về lãi cho vay	8.486.849.580	-	25.841.096	-
- Phải thu dự án hợp tác kinh doanh với các nhà cung cấp phụ (*)	-	-	171.000.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>30.000.000.000</b>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Liên Minh Tây Bắc (**)	30.000.000.000	-	-	-
	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>49.336.849.580</b>	-	<b>177.375.841.096</b>	-

(\*): Dự án hợp tác kinh doanh với các nhà cung cấp phụ đã được thu hồi theo Nghị quyết HĐQT số 01 ngày 23/03/2015 của Công ty Cổ phần BWG Mai Châu; theo đó, Công ty sẽ trở thành nhà cung cấp sản phẩm cho Tập đoàn IKEA, do vậy, kế hoạch đầu tư phát triển các nhà cung cấp phụ không còn phù hợp với chiến lược phát triển mới của Công ty. Theo đó, đến ngày 15/04/2015 nếu các nhà cung cấp phụ không hoàn trả số tiền mà Công ty Cổ phần BWG Mai Châu đã chuyển hợp tác đầu tư thì sẽ tự động được chuyển thành các khoản cho vay với lãi suất không thấp hơn 6%/năm.

(\*\*): Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0812/HĐHTKD ngày 08 tháng 12 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Công ty Cổ phần Liên Minh Tây Bắc, hai bên đã thống nhất thực hiện hợp tác kinh doanh Dự án Trang trại Sinh thái về trồng trọt, chăn nuôi công nghệ cao của Nhật Bản tại tỉnh Hòa Bình theo đó:

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương đồng ý chuyển cho Công ty Cổ phần Liên Minh Tây Bắc số tiền là: 30.000.000.000 (Ba mươi tỷ) đồng (“tiền hợp tác đầu tư”) để triển khai thu gom ít nhất 80 (tám mươi) ha đất dự án, thuộc xã Thanh Nông, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình để làm mặt bằng của Dự án Trang trại sinh thái.

Sau khi hoàn thành việc thu gom đất, hai bên thống nhất thành lập Ban điều hành hoạt động dự án, Ban điều hành có trách nhiệm xây dựng chi tiết Hồ sơ dự án Trang trại sinh thái dựa trên mặt bằng thực tế tại thời điểm Bên B hoàn thành việc thu gom đất.

-Phân chia kết quả:

Lợi nhuận sẽ được chia theo tỷ lệ vốn thực góp trên tổng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước tại thời điểm dự án chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và có lợi nhuận.

-Thời gian thực hiện hợp đồng: Hợp đồng này có thời hạn là 03 (ba) năm kể từ ngày 08/10/2015, thời hạn trên có thể được kéo dài theo sự thỏa thuận của các bên.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**6. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.007.318.910	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	13.324.546	-	19.138.195	-
- Chi phí SX, KD dở dang	8.603.913.020	-	-	-
- Thành phẩm	3.702.988.842	-	-	-
- Hàng hóa	26.668.315.290	-	8.143.896.492	-
<b>Cộng</b>	<b>44.995.860.608</b>	<b>-</b>	<b>8.163.034.687</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>43.485.465</b>	<b>81.000.000</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	40.207.265	-
- Các khoản khác	3.278.200	81.000.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>472.596.611</b>	<b>1.679.167</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	144.240.550	1.679.167
- Chi phí thuê đất	307.083.334	-
- Các khoản khác	21.272.727	-
<b>Cộng</b>	<b>516.082.076</b>	<b>82.679.167</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Mua trong năm	-	952.938.182	952.938.182
Tặng do hợp nhất	23.166.527.273	-	23.166.527.273
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.166.527.273</b>	<b>952.938.182</b>	<b>24.119.465.455</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	867.427.351	10.323.497	877.750.848
Tặng do hợp nhất	2.674.485.048	-	2.674.485.048
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.541.912.399</b>	<b>10.323.497</b>	<b>3.552.235.896</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	<b>19.624.614.874</b>	<b>942.614.685</b>	<b>20.567.229.559</b>

Giá trị còn lại Cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 942.614.685 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Dự án Nhà máy sản xuất Tre ép tấm tại Hòa Bình (*)	169.431.906.757	35.414.832
- Dự án Nhà máy sản xuất Tre và gỗ ghép thanh tại Điện Biên (**)	3.368.213.795	-
- Dự án Nhà máy sản xuất Ván dăm Tre gỗ Công nghiệp tại Hòa Bình (***)	52.041.464.553	-
- Dự án Tòa nhà trụ sở Văn phòng Công ty mẹ và các Công ty trong hệ thống tại Hà Nội (****)	55.000.000.000	-
- Dự án Kho bảo quản các sản phẩm từ Chăn nuôi theo công nghệ Nhật Bản tại Hòa Bình (*****)	37.000.000.000	-
- Dự án Kho bảo quản rau, củ, quả theo công nghệ Nhật Bản và trồng mẫu Cam Cao Phong tại Hòa Bình (*****)	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>346.841.585.105</u></b>	<b><u>35.414.832</u></b>

(\*) Chi phí mua Quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị tại Dự án Nhà máy sản xuất Tre ép tấm của Công ty Cổ phần BWG Mai Châu tại Cụm công nghiệp Chiềng Châu, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2512100459 của UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 27/11/2014 và các Quyết định điều chỉnh. Theo đó, Dự án có tổng mức đầu tư là: 253,9 tỷ VND, với quy mô công suất tre ép tấm công nghiệp 100.000 m<sup>3</sup>/năm, tre ép tấm nội thất 20.000 m<sup>3</sup>/năm; tương ứng mức Doanh thu dự kiến 2.010 tỷ VND/năm.

(\*\*) Chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất tại Dự án Nhà máy sản xuất Tre và gỗ ghép thanh của Công ty TNHH BWG Điện Biên tại Bản Phú Ngam, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 62121000049 cấp ngày 08/7/2011, và các Quyết định điều chỉnh. Theo đó, Dự án có tổng mức đầu tư là 290 tỷ VND, với quy mô công suất tre ghép thanh công nghiệp 95.000 m<sup>3</sup>/năm; gỗ ghép thanh 5.000 m<sup>3</sup>/năm, tương ứng mức Doanh thu dự kiến 1.454 tỷ VND/năm.

(\*\*\*) Chi phí mua Quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị tại Dự án Nhà máy sản xuất Ván dăm tre gỗ Công nghiệp (tre kết hợp với gỗ) của Công ty Cổ phần Việt Nga Hoà Bình tại Cụm công nghiệp Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình với quy mô tổng Vốn đầu tư là 105 tỷ VND, công suất sản xuất ván dăm tre gỗ công nghiệp 35.000 m<sup>3</sup>/năm, tương ứng mức Doanh thu dự kiến 120 tỷ VND/năm.

(\*\*\*\*) Chi phí mua Quyền sử dụng đất tại khu Hà Trì 1 phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đây là một phần diện tích đất thực hiện Dự án Xây dựng tòa nhà trụ sở Văn phòng Công ty mẹ và các Công ty trong hệ thống, do Công ty Cổ phần Việt Nga Hoà Bình đảm nhiệm.

(\*\*\*\*\* ) Chi phí mua Quyền sử dụng đất thực hiện Dự án Kho bảo quản các sản phẩm từ Chăn nuôi theo công nghệ Nhật Bản tại Đồng Gội, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình của Công ty CP Phát triển Công nghệ SKY LIFE FARMS.

(\*\*\*\*\* ) Chi phí mua Quyền sử dụng đất thực hiện Dự án Kho bảo quản rau, củ, quả theo Công nghệ Nhật Bản và trồng mẫu Cam Cao Phong tiêu chuẩn tại Đồng Gội, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình của Công ty Cổ phần Cam CP Hòa Bình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,  
Quận Hà Đông, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****10. Các khoản đầu tư tài chính**

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
<b>* Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>147.000.000.000</b>	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA	147.000.000.000	-	-	-	-	-
<b>*Lãi Công ty liên kết</b>	<b>-</b>	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>147.000.000.000</b>	-	-	-	-	-

(\*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA chưa thực hiện niêm yết nên Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA	Số 1, tổ 8, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội	49%	49%	Thiết kế nội, ngoại thất, thiết kế kiến trúc, tư vấn lập dự án, quy hoạch hạ tầng đô thị...

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,  
Quận Hà Đông, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****11. Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>63.287.269.066</b>	<b>63.287.269.066</b>	<b>63.287.269.066</b>	-	-	-
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>47.675.000.000</b>	<b>47.675.000.000</b>	<b>47.675.000.000</b>	-	-	-
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Chương Mỹ (1)</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>	-	-	-
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Mai Châu - Hòa Bình (2)</i>	<i>35.675.000.000</i>	<i>35.675.000.000</i>	<i>35.675.000.000</i>	-	-	-
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Mai Châu - Hòa Bình (3)</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	-	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng</b>	<b>15.612.269.066</b>	<b>15.612.269.066</b>	<b>15.612.269.066</b>	-	-	-
<i>Ngân hàng TMCP VPBank chi nhánh Hà Nội - PGD Thụy Khuê (4)</i>	<i>180.000.000</i>	<i>180.000.000</i>	<i>180.000.000</i>	-	-	-
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Mai Châu - Hòa Bình (5)</i>	<i>15.432.269.066</i>	<i>15.432.269.066</i>	<i>15.432.269.066</i>	-	-	-
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>62.269.076.266</b>	<b>62.269.076.266</b>	<b>51.947.395.148</b>	<b>15.612.269.066</b>	<b>25.933.950.184</b>	<b>25.933.950.184</b>
<i>Ngân hàng TMCP VPBank chi nhánh Hà Nội - PGD Thụy Khuê (4)</i>	<i>540.000.000</i>	<i>540.000.000</i>	<i>720.000.000</i>	<i>180.000.000</i>	-	-
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Mai Châu - Hòa Bình (5)</i>	<i>61.729.076.266</i>	<i>61.729.076.266</i>	<i>51.227.395.148</i>	<i>15.432.269.066</i>	<i>25.933.950.184</i>	<i>25.933.950.184</i>
<b>Cộng</b>	<b>125.556.345.332</b>	<b>125.556.345.332</b>	<b>115.234.664.214</b>	<b>15.612.269.066</b>	<b>25.933.950.184</b>	<b>25.933.950.184</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**11. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

**Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại thời điểm 31/12/2015:**

- (1) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chương Mỹ theo Hợp đồng tín dụng số 2206 - LAV - 201501748 ngày 25/12/2015; Số tiền vay là: 7.000.000.000 VND, thời hạn vay dưới 12 tháng. Lãi suất cho vay: 10,5%/năm. Mục đích vay: vay vốn kinh doanh hàng nông sản, tre nứa, gỗ và các sản phẩm từ tre, nứa, gỗ. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất bên thứ 3. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là: 7.000.000.000 VND.
- (2) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Mai Châu - Hòa Bình theo Hợp đồng tín dụng số 01-2015/HĐTD-NH/BWG ngày 16/07/2015, hạn mức vay: 40.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 6 tháng, lãi suất cho vay: 7-8%/năm theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh tre. Tài sản đảm bảo là: Các tài sản hình thành trong tương lai. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là: 35.675.000.000 VND.
- (3) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Mai Châu - Hòa Bình theo Hợp đồng vay tín dụng 01-2015/HĐTD/VNHB ngày 27/4/2015, số tiền hạn mức vay: 5.000.000.000 VND, thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng 12 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng) thời gian vay tối đa không quá 4 tháng đối với từng khoản vay trên khế ước nhận nợ, lãi suất 7%/năm, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh coppha tre, gỗ, Block gạch. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trên khoản vay (tài sản mua trên hợp đồng kinh tế 01-042015/HĐKT/HLDB-VNHB). Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2015: 5.000.000.000 VND.
- (4) Vay Ngân hàng TMCP VPBank chi nhánh Hà Nội - PGD Thụy Khuê theo Hợp đồng tín dụng số 161215-2477946-01-SME ngày 22/12/2015, số tiền vay: 720.000.000 VND. Thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất vay: 7,5%/năm theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: mua xe Ô tô Hyundai TUCSON. Tài sản đảm bảo là: Xe Ô tô Hyundai TUCSON biển kiểm soát 30A-86073. Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2015: 720.000.000 VND, trong đó số gốc vay phải trả trong năm 2016 là 180.000.000 VND.
- (5) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Mai Châu - Hòa Bình theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD-DH/BWG ngày 17/12/2014. Thời hạn vay: 72 tháng (trong đó thời gian ân hạn nợ gốc 12 tháng), kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay: thả nổi có điều chỉnh. Mục đích vay: Đầu tư Xây dựng Nhà máy sản xuất Tre ép tấm. Tài sản đảm bảo là: Các tài sản hình thành trong tương lai, các nguồn thu phát sinh từ dự án, phương án sử dụng vốn vay. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là: 77.161.345.332 VND, số gốc vay phải trả trong năm 2016 là: 15.432.269.066 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,  
Quận Hà Đông, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****12. Phải trả người bán**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>86.784.672.102</b>	<b>86.784.672.102</b>	<b>85.596.754.439</b>	<b>85.596.754.439</b>
- Doanh nghiệp Tư nhân Mỹ Đoàn	-	-	9.741.194.001	9.741.194.001
- Phải trả tiền nhận chuyển nhượng cổ phần			75.370.000.000	75.370.000.000
+ Vũ Duy Tân	-	-	52.100.000.000	52.100.000.000
+ Nguyễn Ngọc Quân	-	-	9.950.000.000	9.950.000.000
+ Nguyễn Huy Quảng	-	-	13.320.000.000	13.320.000.000
- Công ty TNHH Toàn Phát HB	6.248.618.935	6.248.618.935	-	-
- DONG XING WEI NIAN TRADE CO., LTD	16.076.390.000	16.076.390.000	-	-
- Công ty Mậu Dịch Xuất Nhập Khẩu Hàng Thông Đông Hưng	15.538.511.230	15.538.511.230	-	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Bắc Việt Yên Châu	15.222.642.800	15.222.642.800	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Vận Tải Mai Loan	16.839.947.259	16.839.947.259	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	16.858.561.878	16.858.561.878	485.560.438	485.560.438
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>86.784.672.102</b>	<b>86.784.672.102</b>	<b>85.596.754.439</b>	<b>85.596.754.439</b>

**Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan**

	Cuối năm	Đầu năm
- Vũ Duy Tân	-	52.100.000.000
- Nguyễn Ngọc Quân	-	9.950.000.000
- Nguyễn Huy Quảng	-	13.320.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,  
Quận Hà Đông, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công ty TNHH Famco Việt Nam	-	32.254.000.000
- Công ty CP Liên Doanh Nông Sản Việt Lào	-	6.950.000.000
- Công ty TNHH Toàn Phát HB	684.000.000	-
- Công ty TNHH Nội Thất Trúc Xuân	149.986.800	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	2.785.684.008	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.619.670.808</u></b>	<b><u>39.204.000.000</u></b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<u>Phải thu đầu năm</u>	<u>Phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Phải thu cuối năm</u>	<u>Phải nộp cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	78.204.317	-	6.952.061.218	6.843.672.592	-	30.184.309
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	594.118	594.118	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	74.925.643	1.411.251.056	2.897.453	-	1.483.279.246
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>78.204.317</u></b>	<b><u>74.925.643</u></b>	<b><u>8.367.906.392</u></b>	<b><u>6.851.164.163</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.513.463.555</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	13.166.667	35.414.832
Các khoản trích trước khác	-	27.916.666
<b>Cộng</b>	<b><u>13.166.667</u></b>	<b><u>63.331.498</u></b>

**16. Vốn chủ sở hữu**

**16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NĂM TRƯỚC</b>			
Số dư đầu năm	<b>6.000.000.000</b>	<b>35.226.909</b>	<b>6.035.226.909</b>
Tăng vốn	244.000.000.000	-	244.000.000.000
Lãi trong năm	-	246.033.616	246.033.616
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>281.260.525</b>	<b>250.281.260.525</b>
<b>NĂM NAY</b>			
Số dư đầu năm	<b>250.000.000.000</b>	<b>281.260.525</b>	<b>250.281.260.525</b>
Tăng vốn (*)	410.000.000.000	-	410.000.000.000
Lãi trong năm	-	28.462.669.421	28.462.669.421
Tăng/giảm do hợp nhất	-	4.818.013	4.818.013
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>28.748.747.959</b>	<b>688.748.747.959</b>

(\*) Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày ngày 10 tháng 06 năm 2015 theo hình thức chào bán cho các nhà đầu tư bên ngoài. Cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần chào bán: 41.000.000 cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng chào bán: Chào bán cho các nhà đầu tư bên ngoài.

**16.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	250.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	410.000.000.000	244.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	660.000.000.000	250.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**16.3. Cổ phiếu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>66.000.000</b>	<b>25.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>66.000.000</b>	<b>25.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	25.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>66.000.000</b>	<b>25.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	25.000.000

*\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*(Đơn vị tính: VND)*

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Doanh thu</b>	<b>309.469.509.858</b>	<b>12.770.962.200</b>
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	307.603.858.558	12.770.962.200
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.865.651.300	
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>309.469.509.858</b>	<b>12.770.962.200</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	286.611.757.297	12.641.669.330
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.702.926.814	-
<b>Cộng</b>	<b>288.314.684.111</b>	<b>12.641.669.330</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.417.266.457	340.526.059
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.830.013	-
<b>Cộng</b>	<b>8.419.096.470</b>	<b>340.526.059</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	1.025.117.840	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.207.386	5.464.579
<b>Cộng</b>	<b><u>1.044.325.226</u></b>	<b><u>5.464.579</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	267.224.873	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.732.930	-
Chi phí khác bằng tiền	34.516.976	-
<b>Cộng</b>	<b><u>324.474.779</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.354.204	23.676.886
Chi phí nhân công	958.622.061	159.695.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.323.497	-
Chi phí dự phòng	130.546.800	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.964.584	6.141.711
Lợi thế thương mại	181.029.282	-
Chi phí khác bằng tiền	741.483.095	4.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.112.323.523</u></b>	<b><u>193.514.022</u></b>

**7. Lợi nhuận khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Thu nhập khác</b>	<b><u>4.632.896.345</u></b>	<b><u>29.361.354</u></b>
Thu nhập từ khoản đầu tư mua rẻ	4.632.885.345	29.361.354
Thu nhập khác	11.000	-
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>150.048</u></b>	<b><u>-</u></b>
Chi phí khác	150.048	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b><u>4.632.746.297</u></b>	<b><u>29.361.354</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ	1.193.051.730	54.168.066
Thuế Thu nhập doanh nghiệp Công ty con	214.965.952	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>1.408.017.682</u></b>	<b><u>54.168.066</u></b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.462.669.421	246.033.616
Các khoản điều chỉnh:	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	28.462.669.421	246.033.616
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	25.925.808	744.342
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.098</u></b>	<b><u>331</u></b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Năm 2014 và năm 2015, Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế do đó không có số liệu trình bày.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.996.629.506	23.676.886
Chi phí nhân công	1.310.144.934	159.695.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	877.750.848	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.744.624.328	6.141.711
Chi phí khác	1.137.942.686	4.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.067.092.302</u></b>	<b><u>193.514.022</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Đơn vị tính: VND)*

**Các giao dịch về đầu tư và tài chính không trực tiếp sử dụng tiền**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chuyển khoản cho vay thành khoản đầu tư mua cổ phần Công ty TNHH BWG Điện Biên	60.400.000.000	-
Chuyển khoản ứng tiền mua cổ phần thành khoản cho vay cá nhân	47.400.000.000	-
Chuyển khoản hợp tác đầu tư dự án các nhà thầu phụ thành khoản cho vay cá nhân	78.000.000.000	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

*(Đơn vị tính: VND)*

**1. Thông tin về các bên liên quan**

*Mối quan hệ của các bên liên quan trong năm*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA	Công ty liên doanh, liên kết
Vũ Duy Tân	Cổ đông góp vốn
Nguyễn Ngọc Quân	Cổ đông góp vốn đến ngày 30/12/2015 Thành viên HĐQT đến ngày 30/12/2015
Nguyễn Huy Quảng	Cổ đông góp vốn Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty từ ngày 06/08/2014 đến ngày 26/04/2016
Trần Đức Tân	Giám đốc Công ty TNHH BWG Điện Biên
Phùng Như Tuyền	Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình – là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương

*Giao dịch với các bên liên quan trong năm*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Nguyễn Huy Quảng	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình	9.703.500.000
	Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng Cổ phần Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình	9.703.500.000
	Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng Cổ phần Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	13.320.000.000
Vũ Duy Tân	Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng Cổ phần Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	52.100.000.000
Nguyễn Ngọc Quân	Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng Cổ phần Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	9.950.000.000
Trần Đức Tân	Chuyển nhượng Cổ phần Công ty TNHH Nông Lâm sản Điện Biên cho Công ty CP Phát triển Công nghệ SKY LIFE FARMS	4.930.000.000
	Nhận tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH Nông Lâm sản Điện Biên từ Công ty CP Phát triển Công nghệ SKY LIFE FARMS	4.930.000.000
Phùng Như Tuyền	Ông Tuyền chuyển nhượng đất cho Công ty Cổ phần BWG Mai châu	30.000.000.000
	Ông Tuyền chuyển nhượng đất cho Công ty Cổ phần Cam CP Hòa Bình – là Công ty con của Công ty CP Phát triển Công nghệ SKY LIFE FARMS	30.000.000.000
	Ông Tuyền chuyển nhượng đất cho Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình	35.000.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

*Số dư với bên liên quan tại ngày 31/12/2015*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vũ Duy Tân	Phải trả người bán	-	52.100.000.000
Nguyễn Ngọc Quân	Phải trả người bán	-	9.950.000.000
Nguyễn Huy Quảng	Phải trả người bán	-	13.320.000.000
Nguyễn Khánh Nhật	Phải thu khác	-	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA	Phải thu của khách hàng	18.117.410.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA	Trả trước cho người bán	30.163.487.561	19.487.500.000

*Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	346.000.000	154.000.000
<b>Cộng</b>	<b>346.000.000</b>	<b>154.000.000</b>

**2. Báo cáo bộ phận**

Trong năm, Công ty và các Công ty con hoạt động chủ yếu là buôn bán kinh doanh thương mại mặt hàng Nông sản, mặt hàng sản phẩm Cốp pha, Pallet (tre, gỗ), các mặt hàng khác và hoạt động chủ yếu tại khu vực Miền Bắc. Do đó Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

	<b>Nông Sản (Ngô, Sắn lát,...)</b>	<b>Cốp pha, Pallet (Tre, gỗ)</b>	<b>Các mặt hàng khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	292.714.476.570	13.290.274.800	3.464.758.488	309.469.509.858
Giá vốn hàng bán	272.224.376.397	12.933.365.997	3.156.941.717	288.314.684.111
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20.490.100.173	356.908.803	307.816.771	21.154.825.747
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	2.436.798.302
Doanh thu tài chính	-	-	-	8.419.096.470
Chi phí tài chính	-	-	-	1.044.325.226
Thu nhập khác	-	-	-	4.632.896.345
Chi phí khác	-	-	-	150.048
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	30.725.544.986
Chi phí thuế	-	-	-	1.466.178.045
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	29.259.366.941
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản bộ phận	95.422.717.949	34.866.795.632	29.466.862.227	159.756.375.808
Tài sản không phân bổ	-	-	-	838.816.983.617
Tổng tài sản	-	-	-	998.573.359.425
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả bộ phận	21.971.261.735	199.478.000	24.183.073.368	46.353.813.103
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	171.245.237.647
Tổng nợ phải trả	-	-	-	217.599.050.750

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**3. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**3.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.745.232.260	30.392.961.493
Phải thu khách hàng và phải thu khác	133.255.328.987	18.713.200.406
Đầu tư ngắn hạn	75.000.000.000	255.800.000.000
Đầu tư dài hạn	177.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>404.000.561.247</b>	<b>304.906.161.899</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	125.556.345.332	25.933.950.184
Phải trả người bán và phải trả khác	86.784.672.102	85.596.754.439
Chi phí phải trả	13.166.667	63.331.498
<b>Cộng</b>	<b>212.354.184.101</b>	<b>111.594.036.121</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**3.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**3.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**3.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**3.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

**3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

<b>Khoản mục</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối năm</b>			
Các khoản vay	63.287.269.066	62.269.076.266	125.556.345.332
Phải trả người bán và phải trả khác	86.784.672.102	-	86.784.672.102
Chi phí phải trả	13.166.667	-	13.166.667
<b>Cộng</b>	<b>150.085.107.835</b>	<b>62.269.076.266</b>	<b>212.354.184.101</b>
<b>Số dư đầu năm</b>			
Các khoản vay	-	25.933.950.184	25.933.950.184
Phải trả người bán và phải trả khác	85.596.754.439	-	85.596.754.439
Chi phí phải trả	63.331.498	-	63.331.498
<b>Cộng</b>	<b>85.660.085.937</b>	<b>25.933.950.184</b>	<b>111.594.036.121</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.745.232.260	-	18.745.232.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	133.255.328.987	-	133.255.328.987
Đầu tư ngắn hạn	75.000.000.000	-	75.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	177.000.000.000	177.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>227.000.561.247</b>	<b>177.000.000.000</b>	<b>404.000.561.247</b>
<b>Số dư đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.392.961.493	-	30.392.961.493
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.713.200.406	-	18.713.200.406
Đầu tư ngắn hạn	255.800.000.000	-	255.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>304.906.161.899</b>	<b>-</b>	<b>304.906.161.899</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**4. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2015.

**5. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Sau ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2015 Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 7, chuyển Trụ sở chính của Công ty trước đây được đặt tại số 27, phố Yên Bình, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội về tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,  
Quận Hà Đông, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đât Việt tại Hà Nội.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu Năm nay. Cụ thể:

**Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

Mã số	Tên khoản mục	Số trước điều chỉnh
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
121	1. Đầu tư ngắn hạn	84.800.000.000
131	1. Phải thu khách hàng	12.337.359.310
132	2. Trả trước cho người bán	139.564.151.073
135	5. Các khoản phải thu khác	171.025.841.096
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6.350.000.000
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	35.414.832
312	2. Phải trả người bán	85.596.754.439
313	3. Người mua trả tiền trước	39.204.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	74.925.643
316	6. Chi phí phải trả	63.331.498
334	4. Vay và nợ dài hạn	25.933.950.184
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	281.260.525

**Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

Mã số	Tên khoản mục	Số sau điều chỉnh
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.337.359.310
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	139.564.151.073
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	84.800.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	177.676.041.096
155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	35.414.832
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	85.596.754.439
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	39.204.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	74.925.643
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	63.331.498
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.933.950.184
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	250.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	250.000.000.000
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	281.260.525
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	35.226.909
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	246.033.616



Nguyễn Tấn Đạt

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 07 năm 2016

Nguyễn Huy Quảng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương

Người lập biểu